TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày 31-7-2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam
Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thanh Hương
2. Ông Ma Hồng Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLPT-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 16 tháng 3 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2023/QĐ-PT, ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bạch Quang D, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông D: Ông Ma Ngọc K – Luật sư văn phòng luật sư N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang, có mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Âu Thị Đ, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.
Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 1, Trại giam Quyết Tiến, cục C10, Bộ công an. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Anh Trần Quang Th, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Trần Quang Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

* Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bạch Quang D, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, chị Âu Thị Đ đã đến nhà hỏi vay tiền ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị Kim T với mục đích để đầu tư, sửa chữa quán bán hàng ăn sáng vì quán vừa bị cháy. Thực tế thời điểm đó quán bán hàng ăn sáng của anh Th, chị Đ có bị cháy thật, vì thương anh chị nên ông bà đã đồng ý cho chị Đ vay tiền cụ thể ông D, bà T cho vay 10.000.000 đồng là tiền tích góp của gia đình, ông D cho vay 9.000.000 đồng là tiền của Hội đồng ngũ vừa nộp quỹ hội (thời điểm đó ông D là Hội trưởng). Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và chị Đ có nói khi nào ông bà cần tiền chị sẽ trả số tiền gốc và trả lãi theo lãi suất ngân hàng là 1,5%/tháng. Sau khi vay được tiền của ông bà, anh Th và chị Đ đã mua sắm một số đồ dùng phục vụ việc bán hàng như lắp điều hòa, mua xe máy... Do vậy, ông D bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện S xem xét buộc anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ cùng có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 9.000.000 đồng, trả cho ông D bà T số tiền 10.000.000 đồng và lãi suất của số tiền chậm trả theo thỏa thuận 1,5%/tháng cho đến khi trả hết tiền.

* Tại biên bản ghi lời khai, đơn đề nghị và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Âu Thị Đ trình bày: Chị và anh Trần Quang Th là vợ chồng, thời gian tháng 11 năm 2019 chị có được vay tiền của ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị Kim T, khi vay có thỏa thuận lãi là 1,5%/ tháng, có viết giấy tờ do chính tay chị viết và ký, không thỏa thuận thời hạn trả mà hẹn khi nào cần tiền thì chị sẽ trả cho ông D, bà T. Việc vay mượn do mình chị đứng tên vay, anh Th không biết, không liên quan đến anh Th. Chị nhất trí trả khoản tiền gốc và lãi cho ông D, bà T theo yêu cầu của ông bà, không nhất trí việc ông D, bà T đề nghị buộc anh Th cùng có nghĩa vụ trả tiền với chị.

* Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Quang Th trình bày: Anh và chị Âu Thị Đ là vợ chồng, việc chị Đ vay hai khoản tiền trên của ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị Kim T như thế nào anh không biết. Việc chị Đ khai vay tiền đầu tư quán bán hàng ăn sáng là không đúng vì anh chị đầu tư và mở quán từ những năm 2015, 2016. Quá trình bán hàng anh chị không đầu tư gì thêm. Thời điểm năm 2019 gia đình anh chị có bị cháy gian buồng ngủ ở quán bán hàng ăn sáng nhưng không ảnh hưởng đến quán, không phải đầu tư sửa chữa gì. Nay ông D, bà T yêu cầu anh có nghĩa vụ cùng chị Đ trả nợ khoản vay trên của chị Đ thì anh không đồng ý, giấy vay tiền không có chữ ký của anh, anh không biết khoản tiền vay này nên không nhất trí trả theo đề nghị của ông D, bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 357 Bộ luật Dân sự; Điều 27 – Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Quang D, bà Nguyễn Thị Kim T xử buộc:

- Anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bạch Quang D số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng, lãi là 5.400.000 đồng, tổng cộng 14.400.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), chia ra mỗi người có nghĩa vụ trả ½ là 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bạch Quang D, bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 6.000.000 đồng, tổng cộng 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), chia ra mỗi người có nghĩa vụ trả ½ là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th có đơn kháng cáo với nội dung: Âu Thị Đ vay tiền của ông D, bà T hoàn toàn là ý thức chủ quan của Đ, anh không biết việc vay mượn này, không đi vay, không nhận

tiền cũng không có chứng cứ nào liên quan đến vệc anh đồng thuận vay tiền. Đ tự vay tiền của ông D, bà T, đã tự nhận có trách nhiệm trả số tiền này. Trong giấy vay tiền của Đ với ông D, bà T không xác định thời hạn trả tiền, không có mục đích lý do vay, không có lãi suất vay. Luật sư vủa ông D, bà T đưa ra lý do năm 2019, gia đình anh bị cháy phòng ngủ, phải vay tiền của ông D, bà T là không đúng. Do tiền khắc phục hậu quả sau cháy phòng ngủ đều do bố mẹ anh chu cấp, không phải tiền vay của ông D, bà T. Đ đã bị xử tội về việc đưa ra thông tin gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, hiện đang thi hành án tại trại giam Quyết Tiến. Tòa án nhân dân huyện S đã đưa ra những căn cứ không xác thực, không đúng người, không đúng tôi, đã xử ép cho tôi. Vì vậy anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét, xử lại đảm bảo công bằng, đúng pháp luật và quyền lợi công dân.

Tại phiên toà phúc thẩm: Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông D: Ông Ma Ngọc K– Luật sư văn phòng luật sư N đề nghị: Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Trần Quang Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, xử buộc anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ mỗi người phải trả cho ông Bạch Quang D số tiền 7.200.000 đồng *(bẩy triệu hai trăm nghìn đồng)* và anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ tổng cộng 16.000.000 đồng *(mười sáu triệu đồng).* Trong đó anh Th và chị Đ mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* và anh Th và chị Đ mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng).*

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Trần Quang Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST, ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th không được chấp nhận, nên anh Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/3/2023, Tòa án nhân dân huyện S đã mở phiên tòa xét xử vụ án và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quang Th có mặt. Ngày 127/3/2023, anh Th có đơn kháng cáo đối với Bản án nêu trên. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của anh Th là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bạch Quang D là bà Nguyễn Thị Kim T; bị đơn chị Âu Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quang Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà T, chị Đ, anh Th theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Quang Th:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 13/11/2019 (dương lịch) chị Âu Thị Đ vay có vay của ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*, ngày 19/10/2019 âm lịch (tức ngày 15/11/2019 dương lịch) chị Đ vay tiếp của ông Bạch Quang D số tiền 9.000.000 đồng *(chín triệu đồng)*. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền, có viết giấy vay tiền do chị Đ trực tiếp viết và ký với nội dung chị Đ vay của ông D và bà T số tiền 10.000.000 đồng, vay của ông D số tiền 9.000.000 đồng. Cùng thời gian trên chị Đ còn vay số tiền 260.000.000 đồng của ông D, bà T và vay của nhiều người khác với số tiền hơn một tỷ đồng.

Ngày 16/9/2021 Âu Thị Đ bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử và tuyên phạt 14 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án hình sự số 38/2021/HSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhận định: *Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 11 bị hại, quá trình điều tra đã xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến năm 2020 Đ còn vay tiền của nhiều cá nhân trên địa bàn huyện S để đầu tư mở quán bán hàng ăn sáng (vay của bà Lục Thị T 10.000.000 đồng, bà T 10.000.000 đồng, ông D 9.000.000 đồng...) Do làm ăn thua lỗ đến nay Đ chưa trả được tiền cho những người trên. Xét thấy khi vay các khoản tiền trên Đ không có hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt, hành vi không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý*. Tại bản án số 32/2022/HSPT ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã tuyên xử: *Giữ nguyên bản án hình sự số 38/2021/HSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.* Hai bản án hình sư trên đã có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình

tiết sự kiện được xác định trong hai bản án trên thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tại biên bản xác minh ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S thể hiện: Anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng năm 2018 - 2019 anh chị có đầu tư mở một quán bán hàng ăn sáng (bán bún) tại thôn do anh chị trực tiếp bán hàng. Sau khi mở quán được khoảng một năm thì quán có bị cháy ở khu vực chỗ bếp nấu nên phải dừng một thời gian để sửa chữa, sau khi tu sửa xong quán lại tiếp tục hoạt động bình thường. Quán hiện do anh Nguyễn Thọ Q đang bán hàng vì anh Th đi làm ăn xa thi thoảng mới về, chị Đ đang đi chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến.

Tại giấy vay tiền đề ngày 19/10/2019 (âm lịch) có nội dung *cháu Âu Thị Đ vay của bác D ở thôn Đá Trơn, xã Đ số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)*; giấy vay tiền đề ngày 13/11/2019 (dương lịch) có nội dung *tôi có vay của bác D T số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)*. Giấy vay tiền có chữ ký của người vay tiền là Âu Thị Đ, chị Đ thừa nhận mình tự viết và kí, giấy vay không ghi thời hạn vay, mục đích lý do vay, lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đ thừa nhận trong giấy không thể hiện lãi suất nhưng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi là 1,5%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả mà hẹn khi nào cần thì trả. Biên bản xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng đã thể hiện mục đích vay tiền là để đầu tư sữa chữa quán bán hàng ăn sáng và mua tài sản phục vụ việc bán hàng của gia đình nên anh Th có biết về các khoản vay này. Việc chị Đ, anh Th khai không liên quan đến anh Th là để anh Th trốn tránh nghĩa vụ trả tiền vì hiện chị Đ đang đi chấp hành án nên không có khả năng trả nợ, anh Th đang đi làm thuê, có thu nhập và có khả năng trả được tiền. Vì vậy Tòa án giải quyết buộc cả chị Đ và anh Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị Kim T là có cơ sở và đúng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy việc kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang Th là không có căn cứ pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quang Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Th không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Quang Th, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bạch Quang D, bà Nguyễn Thị Kim T xử buộc:

- Anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bạch Quang D số tiền nợ gốc là 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng*), lãi là 5.400.000 đồng, *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*), tổng cộng 14.400.000 đồng *(mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng)*, chia ra anh Th có nghĩa vụ trả số tiền 7.200.000 đồng *(bảy triệu hai trăm nghìn đồng),* chị Đ có nghĩa vụ trả số tiền 7.200.000 đồng *(bảy triệu hai trăm nghìn đồng).*

- Anh Trần Quang Th và chị Âu Thị Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bạch Quang D và bà Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng*), lãi là 6.000.000 đồng *(Sáu triệu đồng),* tổng cộng 16.000.000 đồng *(mười sáu triệu đồng).* Trong đó anh Th và chị Đ mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* và anh Th và chị Đ mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng).*

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Quang Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu số 0002734 ngày 13/4/2023 do ông Phạm Đức Chung nộp thay của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2023)

"*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;

- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Đức Nam